

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 – 2
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	3 – 4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	<i>5 – 6</i>
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	<i>7</i>
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	<i>8</i>
	<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính</i>	<i>9 – 26</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Ô tô 1 - 5("Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Ô tô 1 - 5 là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần ngày 31 tháng 03 năm 2014, mã số doanh nghiệp số 0104755742.

Ngày 11 tháng 04 năm 2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3, tăng vốn điều lệ từ 97.500.000.000 đồng thành 292.500.000.000 đồng.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ.

Trụ sở chính của Công ty: tổ 53, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này như sau:

Hội đồng Quản trị:

Ông Phạm Đức Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Trung Kiên	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hữu Hưng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồ Nam	Thành viên
Ông Bùi Thành Lâm	Thành viên
Ông Thái Doãn Tường	Thành viên
Bà Lưu Bích Hạnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Đức Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khánh Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Ngọc Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hồng Thịnh	Phó Tổng Giám đốc

Các sự kiện trong năm tài chính, các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Trong năm Công ty ghi nhận khoản phải thu Trung tâm phát triển Quỹ Đất số tiền 72.158.713.941 VNĐ theo Quyết định số 6226/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND huyện Đông Anh về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Công ty Cổ phần Ô tô 1 – 5 khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án : Khu thương mại – Dịch vụ - Nhà ở 1 – 5.

Công ty ghi nhận phải thu Công ty Cổ phần phát triển Đô Thị Đông Anh số tiền 94.913.478.139 VNĐ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 21/09/2011 Giữa Công ty Cổ phần Bất động sản Vinalines và Công ty TNHH MTV Ô tô 1 – 5 và Phụ lục Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 02/PLĐC_HĐHTĐT ngày 27 tháng 05 năm 2016.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; và
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có ảnh hưởng trọng yếu đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng trọng yếu tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2017

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Tổng Giám đốc

PHẠM ĐỨC DŨNG

Số : /2017/MHD/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ô tô 1 - 5**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô 1 - 5 (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 5 năm 2017 từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đang thực hiện phương pháp tính giá thành thành phẩm trên cơ sở ước tính mà không thực hiện việc tính giá thành trên cơ sở chi phí sản xuất thực tế của từng thành phẩm. Vì vậy, chúng tôi không có đủ cơ sở để kiểm tra và xác định tính đúng đắn của giá vốn thành phẩm bán trong năm và ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính kèm theo.

Do hợp đồng kiểm toán được ký kết sau ngày khoá sổ để lập Báo cáo tài chính, nên chúng tôi không thể tiến hành chứng kiến công tác kiểm kê hàng tồn kho của Công ty, chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế nhằm khẳng định tính hiện hữu của các khoản mục này. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về tính trung thực hợp lý của khoản mục hàng tồn kho cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính kèm theo.

Tại thời điểm 31/12/2016, một số khoản công nợ phải thu, công nợ phải trả chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu, tính trung thực và đầy đủ của số dư các khoản phải trả cũng như ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn: “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trịnh Đức Minh

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 1433 – 2016 – 198 - 1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
ĐỊNH GIÁ MHD**

Ngày 12 tháng 06 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Thái Thé

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2033 – 2016 – 198 – 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		689.933.808.883	408.638.626.483
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	340.619.531	1.089.825.343
1	Tiền	111		340.619.531	1.089.825.343
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		77.200.000.000	-
1	Chứng khoán kinh doanh	121		77.200.000.000	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		219.302.150.122	29.744.402.963
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	190.329.149.490	27.934.963.766
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.618.106.709	5.431.504.023
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	14.422.504.225	7.445.545.476
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(11.067.610.302)	(11.067.610.302)
5	Tài sản thiêu chòe xử lý	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		390.354.334.158	377.467.895.084
1	Hàng tồn kho	141	V.04	390.354.334.158	377.467.895.084
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.736.705.072	336.503.093
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05.1	2.736.705.072	336.503.093
1	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
B	Tài sản dài hạn	200		95.415.302.143	128.901.257.670
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		93.073.335.321	102.687.626.864
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	72.388.139.684	76.770.384.673
	- Nguyên giá	222		133.361.876.348	182.983.382.828
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.973.736.664)	(106.212.998.155)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3	TSCĐ vô hình	227	V.07	20.685.195.637	25.917.242.191
	- Nguyên giá	228		26.866.793.080	35.096.609.232
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6.181.597.443)	(9.179.367.041)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản chờ dang dài hạn	240		-	22.266.802.826
1	Chi phí xây dựng cơ bản chờ dang	242		-	22.266.802.826
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	541.001.158
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	541.001.158
2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		2.341.966.822	3.405.826.822
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.05.2	2.341.966.822	3.405.826.822
	Tổng cộng tài sản	270		785.349.111.026	537.539.884.153

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		492.151.757.468	440.108.325.773
<i>I</i>	<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>458.295.360.683</i>	<i>406.408.908.829</i>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	28.696.503.853	37.777.305.342
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.906.688.964	9.391.828.286
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	39.602.017.815	53.123.235.315
4	Phải trả người lao động	314		4.624.821.047	4.259.860.597
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	104.727.272
7	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	130.730.691.704	134.591.193.217
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11.1	218.622.577.316	167.048.698.816
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		112.059.984	112.059.984
<i>II</i>	<i>Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>33.856.396.785</i>	<i>33.699.416.944</i>
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11.2	33.856.396.785	33.699.416.944
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		293.197.353.558	97.431.558.380
<i>I</i>	<i>Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.12</i>	<i>293.197.353.558</i>	<i>97.431.558.380</i>
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		292.500.000.000	97.500.000.000
	- Cổ phiếu thông có quyền biểu quyết	411a		292.500.000.000	97.500.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		697.353.558	(68.441.620)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(68.441.620)	(44.059.243.926)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		765.795.178	43.990.802.306
<i>II</i>	<i>Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	<i>430</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
	Tổng cộng nguồn vốn	440		785.349.111.026	537.539.884.153

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 31 tháng 5 năm 2017

Tổng Giám đốc

THÁI DOANH TƯỜNG

PHẠM ĐỨC DŨNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	246.031.489.968	250.248.919.655
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.02	246.031.489.968	250.248.919.655
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	263.470.842.626	220.297.853.161
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(17.439.352.658)	29.951.066.494
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	81.253.312	92.784.690
7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	VI.05	45.346.840.208	18.104.382.364
8. Chi phí bán hàng	25		19.924.277.253	17.789.291.913
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.428.524.107	3.224.170.699
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)+(25+26)}	30		(81.500.377.244)	(10.906.200.847)
11. Thu nhập khác	31	VI.06	178.066.951.211	55.653.406.649
12. Chi phí khác	32	VI.07	95.253.673.139	612.289.445
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		82.813.278.072	55.041.117.204
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.312.900.828	44.134.916.357
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	547.105.650	144.114.051
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		765.795.178	43.990.802.306
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	28	4.512
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70			

Lập ngày 31 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

THÁI DOÃN TƯỜNG

PHẠM ĐỨC DŨNG

BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	314.577.205.991	260.493.011.038
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(380.332.720.108)	(181.887.801.409)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(7.274.463.000)	(23.171.847.249)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(10.676.836.409)	(8.276.799.833)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	244.710.460	24.067.246.143
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(50.772.084.724)	(10.095.597.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(134.234.187.790)	61.128.211.512
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.746.764.525)	(648.933.635)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	78.287.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(135.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	35.419.634.850	22.194.730.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	81.253.312	15.097.734
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(113.245.876.363)	21.639.181.371
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	195.000.000.000	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	292.116.868.432	150.304.430.246
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(240.386.010.091)	(232.160.316.612)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	246.730.858.341	(81.855.886.366)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(749.205.812)	911.506.517
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.089.825.343	177.909.746
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	409.080
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	340.619.531	1.089.825.343

Lập ngày 31 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

THÁI DOANH TUONG

PHẠM ĐỨC DŨNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Ô tô 1-5 là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Ngày 15 tháng 06 năm 2010 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, ngày 11 tháng 04 năm 2016, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3, mã số doanh nghiệp số 0104755742.

Trụ sở chính của Công ty: tổ 53, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 292.500.000.000 đồng.(Hai trăm chín mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VND)	Tỷ lệ góp vốn
1	Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam – CTCP	8.775.000	87.750.000.000	30%
2	Cổ đông khác	20.475.000	204.750.000.000	70%
	Tổng	29.250.000	292.500.000.000	100%

Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh chính của công ty là: Sản xuất, Thương mại

Nghành nghề kinh doanh

- Sản xuất xe có động cơ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và tại ngày lập Báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 244”). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 31/12/2016, không có hàng hóa nào cần trích lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ghi sổ sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý trong năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các khái hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và những chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được thanh lý hay bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khái hao tài sản cố định hữu hình

Khái hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khái hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khái hao của tài sản cố định hữu hình được ước tính phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được ước tính như sau:

Tài sản	Thời gian khái hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 6

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

7. Nguyên tắc kê toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi thực tế đã phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn không quá 12 tháng tại thời điểm báo cáo.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có thời hạn trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phổi là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phổi

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiêu sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ hoạt động tài chính

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc kê toán chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các năm sau.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành: 20%.
- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên cơ sở chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	6.716.811	382.031.969
Tiền gửi ngân hàng	333.902.720	707.793.374
Cộng	<u>340.619.531</u>	<u>1.089.825.343</u>

2 Phải thu của khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	<u>190.329.149.490</u>	<u>27.934.963.766</u>
Cty TNHH SX- TM Khang Thịnh	834.844.550	834.844.550
Công ty xe khách miền Trung	670.679.751	670.679.751
Công ty CP VT ô tô Thanh Hoá	-	1.198.000.000
Ban QL DA Khánh Hoà	2.298.148.840	2.298.148.840
V.P sở GTVT Hà Tây	1.018.867.000	1.018.867.000
Công ty CP Vận Tải tốc hành Mai Linh	2.153.957.295	2.189.990.725
Đào Văn Tùng	1.100.000.000	1.100.000.000
Lương Văn Cư	863.982.006	863.982.006
Công ty cổ phần VT và TMDV xây dựng Đại Lợi	297.995.538	1.297.995.538
Cty CP XD công trình Minh Việt	850.000.000	850.000.000
Công ty CP tư vấn địa chất và xây dựng 206	900.320.000	900.320.000
Công ty CP Đầu Tư & Xây Dựng Đồng Tâm	1.060.000.000	1.060.000.000
Trung tâm phát triển Quỹ Đất	72.158.713.941	-
Công ty cổ phần phát triển Đô Thị Đông Anh	94.913.478.139	-
Đối tượng khác	11.208.162.430	13.652.135.356
Cộng	<u>190.329.149.490</u>	<u>27.934.963.766</u>

3 Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	14.422.504.225	-	7.445.545.476	-
Ký quỹ, ký cược	300.082.696	-	773.146.103	-
Tạm ứng	12.656.631.231		5.636.671.067	-
Phải thu khác	1.465.790.298	-	1.035.728.306	-
	<u>14.422.504.225</u>	<u>-</u>	<u>7.445.545.476</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4 Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi đường	1.401.750	-	1.401.750	-
Nguyên liệu, vật liệu	81.967.541.568	-	34.843.699.268	-
Công cụ, dụng cụ	185.104.566	-	172.362.032	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	305.664.736.599	-	314.829.549.019	-
Thành phẩm	1.140.000.000	-	1.140.000.000	-
Hàng hoá	-	-	-	-
Hàng gửi bán	1.395.549.675	-	26.480.883.015	-
Cộng	390.354.334.158	-	377.467.895.084	-

5 Chi phí trả trước

	Cuối năm		Đầu năm	
	2.736.705.072	336.503.093	2.341.966.822	3.405.826.822
5.1 Ngắn hạn				
Chi phí sửa chữa máy sǎn tôn	-	-	2.736.705.072	336.503.093
Chi phí trả trước ngắn hạn khác				
5.2 Dài hạn				
Bản quyền lô xe K47U			2.341.966.822	2.640.550.000
Giá trị lợi thế kinh doanh chờ phân bổ			-	765.276.822
Cộng	5.078.671.894	3.742.329.915		

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ 1 – 5

Tổ 53, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	147.001.535.769	28.701.437.924	7.041.609.615	238.799.520	182.983.382.828
- Mua trong năm	31.631.815.006		3.088.400.000	-	34.720.215.006
- Thanh lý, nhượng bán	(82.685.986.779)	(1.655.734.707)		-	(84.341.721.486)
Số dư cuối năm	95.947.363.996	27.045.703.217	10.130.009.615	238.799.520	133.361.876.348
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	76.462.017.398	23.809.864.934	5.706.377.494	234.738.329	106.212.998.155
- Khấu hao trong năm	3.917.367.621	1.773.788.036	1.174.635.407	4.061.191	6.869.852.255
- Thanh lý, nhượng bán	(50.530.764.471)	(1.578.349.275)			(52.109.113.746)
Số dư cuối năm	29.848.620.547	24.005.303.695	6.881.012.901	238.799.520	60.973.736.664
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
1. Tại ngày đầu năm	70.539.518.371	4.891.572.990	1.335.232.121	4.061.191	76.770.384.673
2. Tại ngày cuối năm	66.098.743.449	3.040.399.522	3.248.996.714	-	72.388.139.684

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ 1 – 5
Tô 53, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Công
I. NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	35.057.136.732	39.472.500	35.096.609.232
- Mua trong năm	195.798.941	0	195.798.941
- Thanh lý, nhượng bán	8.425.615.093		8.425.615.093
Số dư cuối năm	26.827.320.580	39.472.500	26.866.793.080
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	9.139.894.541	39.472.500	9.179.367.041
- Khäu hao trong năm	1.024.432.310	0	1.024.432.310
- Thanh lý, nhượng bán	4.022.201.908		4.022.201.908
Số dư cuối năm	6.142.124.943	39.472.500	6.181.597.443
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
1. Tại ngày đầu năm	25.917.242.191	0	25.917.242.191
2. Tại ngày cuối năm	20.685.195.637	0	20.685.195.637

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ 1 – 5

Tổ 53, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8 Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán ngắn hạn**

Công ty TNHH Cơ khí ôtô Quang Trung	1.285.000.000	1.285.000.000	1.285.000.000	1.285.000.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	2.778.930.000	2.778.930.000	-	-
Công ty TNHH Thép Đông Hưng	13.100.952	13.100.952	1.017.829.182	1.017.829.182
Công ty CPTM và SX Sơn Phú	1.928.636.187	1.928.636.187	1.953.935.187	1.953.935.187
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Anh Ngọc	1.462.490.921	1.462.490.921	1.462.490.921	1.462.490.921
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Bình	982.569.800	982.569.800	1.387.674.000	1.387.674.000
Hàng NK - Cty Shelline(HM2)	-	-	10.499.620.000	10.499.620.000
Công ty Cổ phần SX & TM Nội Địa Hóa ô tô 1-5	1.040.818.640	1.040.818.640	3.565.798.640	3.565.798.640
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thiên Kỷ	1.295.304.000	1.295.304.000	-	-
XN sửa chữa ô tô Tây Mỗ - CN Công ty CP Ford Thăng Long	1.382.150.000	1.382.150.000	-	-
Công ty Vạn Lợi(HM2)	1.363.991.000	1.363.991.000	7.300.000	7.300.000
Đối tượng khác	15.163.512.353	15.163.512.353	16.597.657.412	16.597.657.412
	28.696.503.853	28.696.503.853	37.777.305.342	37.777.305.342

9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế GTGT
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất
- Các loại thuế khác
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

	Đầu năm	Số phải nộp trong	Số thực nộp trong	Cuối năm
		năm	năm	
	13.648.999.851	1.842.075.259	12.617.666.674	2.873.408.436
	172.942.487	547.105.650	373.980.786	346.067.351
	23.114.336	-	-	23.114.336
	38.715.486.711	24.194.992.288	27.113.743.237	35.796.735.762
	4.750.663	-	-	4.750.663
	557.941.267	963.989.410	963.989.410	557.941.267
	53.123.235.315	27.548.162.607	41.069.380.107	39.602.017.815

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10 Phải trả khác

	Cuối năm	Đầu năm
12.1 Ngắn hạn	130.730.691.704	134.591.193.217
Bảo hiểm y tế	2.581.250.297	2.367.658.388
Bảo hiểm xã hội	9.466.518.407	6.838.807.616
Phải trả về bán cổ phần nhà nước	48.074.273	48.074.273
Tổng Công ty CN Ô tô Việt Nam - CTCP	130.000.000	1.118.440.167
Lãi vay phải trả Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN	74.116.609.265	68.451.508.816
Đối tượng khác	44.388.239.462	55.766.703.957
Cộng	130.730.691.704	134.591.193.217

(*) Lãi vay phải trả Công ty tài chính TNHH MTV cao su Việt Nam theo 3 hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 88/2011/HĐNH - TCCS -TD số tiền vay 27.200.000.000 đồng, lãi suất vay 1,58%/ tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty. Biện pháp đảm bảo vay: thẻ chấp toàn bộ tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của công ty tại địa chỉ: Tổ 53, thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội.
- Hợp đồng tín dụng số 226/10/HĐNH - TCCS - TD ngày 23/9/2010 số tiền vay 7.800.000.000 đồng, lãi suất vay 1,25% / tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn thực hiện dự án chế tạo và sản xuất trạm trộn bê tông. Biện pháp đảm bảo vay: thẻ chấp Bất động sản cho bên thứ ba là Công ty CP phát triển hạ tầng và BDS Thái Bình Dương bảo lãnh để vay vốn.
- Hợp đồng tín dụng số 12/10/HĐTH - TCCS - TS ngày 26/03/2010, số tiền vay 30.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng khê ước nhận nợ, lãi vay theo khê ước nhận nợ đầu tiên là 1,125%/ tháng . Mục đích vay bổ sung vốn phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ 1 – 5

Tổ 53, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11 Vay và nợ thuê tài chính**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
15.1 Vay ngắn hạn	218.622.577.316	218.622.577.316	285.427.868.432	233.853.989.932	167.048.698.816	167.048.698.816
Ngân hàng Agribank (VND) (1)	119.412.879.716	119.412.879.716	157.772.635.434	144.501.795.530	106.142.039.812	106.142.039.812
Ngân hàng Agribank (USD) (2)	7.983.893	7.983.893	-	-	7.983.893	7.983.893
Ngân hàng MB Bank (VND)	44.377.353.844	44.377.353.844	103.390.512.747	59.129.158.903	116.000.000	116.000.000
Công ty tài chính TNHH 1 TV cao su VN (3)	27.200.000.000	27.200.000.000	4.908.499.998	12.708.499.998	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty CP Phát triển đô thị Đông Anh	-	-			-	-
Cá nhân khác theo Quyết định 260 (4)	27.624.359.863	27.624.359.863	19.356.220.253	17.514.535.501	25.782.675.111	25.782.675.111
15.3 Vay dài hạn	33.856.396.785	33.856.396.785	6.689.000.000	6.532.020.159	33.699.416.944	33.699.416.944
Công ty TNHH 1 TV TC cao su (5)	30.000.000.000	30.000.000.000	4.575.000.000	4.575.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng MB Bank (VND)	1.805.720.000	1.805.720.000	2.114.000.000	308.280.000	-	-
Cán bộ Công nhân viên (6)	2.050.676.785	2.050.676.785	-	1.648.740.159	3.699.416.944	3.699.416.944
	252.478.974.101	252.478.974.101	292.116.868.432	240.386.010.091	200.748.115.760	200.748.115.760

- (1) (2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 3140LAV201502268/HĐTD, tổng hạn mức tín dụng được cấp 120.000.000.000 đồng, đồng tiền cấp tín dụng VNĐ và USD, lãi suất cho vay nội 8,5%/năm, lãi suất cho vay ngoại tệ 5%/năm và có thể được ngân hàng Agribank điều chỉnh để phù hợp với sự biến động của lãi suất trên thị trường . Mục đích vay vốn: bổ sung vốn lưu động của công ty. Tài sản cam kết bảo đảm tiền vay là phần còn lại của giá trị quyền sử dụng đất số AA 220616 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 25/08/2004.
- (3) Khoản vay ngắn hạn Công ty tài chính TNHH MTV cao su Việt Nam là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 88/2011/HĐNH - TCCS -TD số tiền vay 27.200.000.000 đồng, lãi suất vay 1,58%/ tháng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty. Biện pháp đảm bảo vay: thế chấp toàn bộ tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của công ty tại địa chỉ: Tổ 53, thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội.
- (4) Khoản vay ngắn hạn Cán bộ Công nhân viên theo QĐ 260/QĐ - TCLĐ ngày 29/4/2008, lãi suất được tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay với thời hạn thương ứng của ngân hàng Công thương Việt Nam tại ngày làm việc đầu tiên của tháng, với các món vay trên 12 tháng lãi suất cộng thêm 0,05%/ tháng. Mục đích vay : huy động vốn từ các tổ chức và cá nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ 1 – 5

Tổ 53, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- (5) Khoản vay dài hạn Công ty tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam theo hợp đồng 12/10/HĐTH - TCCS - TS ngày 26/03/2010, số tiền vay 30.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay theo từng khê ước nhận nợ, lãi vay theo khê ước nhận nợ đầu tiên là 1,125%/ tháng . Mục đích vay bô sung vốn phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.
- (6) Khoản vay dài hạn Cán bộ Công nhân viên theo QĐ 260/QĐ - TCLĐ ngày 29/4/2008, lãi suất tính theo lãi suất bình quân liên ngân hàng, khoản góp vốn xây dựng phát triển công ty là khoản vay do công nhân viên cho công ty vay để bô sung vốn kinh doanh, khoản vay này không tính lãi.

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ 1 – 5

Tổ 53, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12. Vốn chủ sở hữu

12.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3
- Số dư đầu năm trước	97.500.000.000	(44.059.243.926)	53.440.756.074
- Tăng vốn trong năm trước	-		-
- Lãi trong năm trước	-	43.990.802.306	43.990.802.306
- Giảm khác	-	-	-
- Số dư cuối năm trước	97.500.000.000	(68.441.620)	97.431.558.380
- Số dư đầu năm nay	97.500.000.000	(68.441.620)	97.431.558.380
- Tăng vốn trong năm nay	195.000.000.000	-	195.000.000.000
- Lãi tăng trong năm nay	-	765.795.178	765.795.178
Số dư cuối năm nay	292.500.000.000	697.353.558	293.197.353.558

12.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp của chủ sở hữu	292.500.000.000	97.500.000.000
+ Vốn góp đầu năm	97.500.000.000	97.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	195.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	292.500.000.000	97.500.000.000
Cộng	292.500.000.000	97.500.000.000

12.3. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán cho công chúng	29.250.000	9.750.000
+ Cổ phiếu phổ thông	29.250.000	9.750.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.250.000	9.750.000
+ Cổ phiếu phổ thông	29.250.000	9.750.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cộng	29.250.000	9.750.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ 1 – 5

Tổ 53, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Đơn vị tính: VND***1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	243.774.545.463	243.687.675.012
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.256.944.505	6.561.244.643
Cộng	246.031.489.968	250.248.919.655

2 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hóa	243.774.545.463	243.687.675.012
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.256.944.505	6.561.244.643
Cộng	246.031.489.968	250.248.919.655

3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	261.574.020.746	214.521.891.727
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.896.821.880	5.775.961.434
Cộng	263.470.842.626	220.297.853.161

4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	81.253.312	15.097.734
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	77.686.956
Cộng	81.253.312	92.784.690

5 Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.924.277.253	17.789.291.913
Chi phí tài chính khác	25.422.562.955	315.090.451
Cộng	45.346.840.208	18.104.382.364

6 Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý tài sản	167.072.192.080	78.287.272
Thu nhập từ tiền hỗ trợ di dời giải phóng mặt bằng	-	35.000.000.000
Lãi vay Viettinbank được miễn giảm	-	4.492.975.870
Lãi vay không phải trả các năm trước của Công ty tài chính TNHH MTV Cao su Việt Nam	-	15.303.706.640
Thu nhập khác	10.994.759.131	778.436.867
Cộng	178.066.951.211	55.653.406.649

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ 1 – 5

Tổ 53, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7 Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý TSCĐ	36.636.020.925	-
Tiền phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	1.072.714.535	606.934.600
Chênh lệch thiếu kiêm kê hàng tồn kho cuối kỳ	28.627.808.418	-
Chi phí khác	28.917.129.261	5.354.845
Cộng	95.253.673.139	612.289.445

Chênh lệch thiếu kiêm kê Hàng tồn kho theo Biên bản kiêm kê và QĐ kiêm kê

8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.312.900.828	44.134.916.357
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.312.900.828	44.134.916.357
Thuế TNDN phải nộp - 20%	262.580.166	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng	1.422.627.421	-
Bất động sản		
Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng	284.525.484	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (20%)	547.105.650	-

9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty	765.795.178	43.990.802.306
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty	765.795.178	43.990.802.306
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm (*)	27.625.000	9.750.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	4.512

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ 1 – 5

Tổ 53, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các bên liên quan**

Trong năm hoạt động, Công ty phát sinh các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch với bên liên quan</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam	Cổ đông góp vốn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	48.955.909.089
Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam	Cổ đông góp vốn	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.090.909.100

Số dư các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch với các bên liên quan</i>	<i>Số dư tại Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số dư tại Ngày 01 tháng 01 năm 2016</i>
Phải thu khách hàng				
Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam	Cổ đông góp vốn	Phải thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	384.225.559	384.225.559

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ 1 – 5

Tổ 53, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Sự kiện kết thúc sau ngày khóa sổ niêm độ kê toán

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, đến thời điểm lập báo cáo này, không có bất kỳ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc niêm độ nào xảy ra, có khả năng ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2016.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán MHD.

Lập ngày 31 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

THÁI DOÃN TƯỜNG

PHẠM ĐỨC DŨNG